

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

TRAC
TIGER

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	9
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu B 07 - QĐT)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	11

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN CHUNG

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập	09/UBCK-TLQTV ngày 28 tháng 12 năm 2006 Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 6 năm.
Ban Đại diện Quỹ	
Ông Dương Đức Trung	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Huỳnh Văn Thiên	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Nữ Thủy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Trụ sở Đăng ký	Phòng 1902, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc tại ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của Quỹ là không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được ghi chép đúng đắn và đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ theo các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

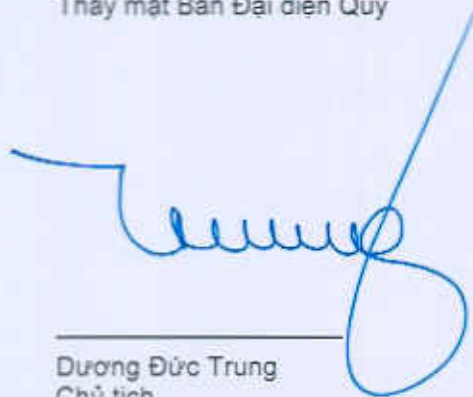
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 24. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Dương Đức Trung
Chủ tịch
Ngày 12 tháng 3 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỌC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Quỹ") được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày ngày 12 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Richard Peters
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3050
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV


Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 - QĐT


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	A.	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
				2011 VNĐ	2010 VNĐ
110	1.	Tiền gửi ngân hàng	3	336.166.290.579	135.120.843.777
120	2.	Đầu tư chứng khoán	4	233.992.124.855	480.294.203.234
130	3.	Phải thu từ hoạt động đầu tư	5	6.165.271.703	3.143.389.833
200		TỔNG TÀI SẢN		576.323.687.137	618.558.436.844
	B.	NGUỒN VỐN			
300	I.	NỢ PHẢI TRẢ		1.306.349.008	8.180.390.914
311	1.	Phải trả cho hoạt động đầu tư	6	145.354.706	6.310.934.044
315	2.	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	1.009.967.876	1.582.939.082
318	3.	Phải trả khác		151.026.426	286.517.788
400	II.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	8	575.017.338.129	610.378.045.930
410	1.	Vốn góp của các thành viên quỹ <i>Trong đó:</i>		768.900.000.000	768.900.000.000
411	1.1.	Vốn góp		792.000.000.000	792.000.000.000
412	1.2.	Chiết khấu cổ phần		(23.100.000.000)	(23.100.000.000)
420	2.	Kết quả hoạt động chưa phân phối		(193.882.661.871)	(158.521.954.070)
430		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		576.323.687.137	618.558.436.844
		CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
		Chứng khoán theo mệnh giá		110.135.480.000	123.062.390.000

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi: 



Le Thanh Tâm
Giám đốc Quản lý Quỹ
Ban Quản lý Quỹ Chứng Khoán HSBC
Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Lập bởi:


Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN				
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		50.448.021.240	(13.585.340.184)
11	1. Cổ tức được nhận		22.478.911.100	29.905.042.900
13	2. Lãi tiền gửi		41.346.662.052	7.729.632.583
14	3. Lỗ từ bán chứng khoán		(15.532.051.912)	(51.220.015.667)
18	4. Thu nhập khác		2.154.500.000	-
30	II. Chi phí		(15.668.187.405)	(21.148.473.395)
31	1. Phí quản lý quỹ	9	(13.674.975.196)	(19.459.128.588)
32	2. Phí giám sát và lưu ký tài sản quỹ	9	(678.564.316)	(659.814.023)
33	3. Chi phí họp, đại hội		(33.609.463)	(30.103.407)
34	4. Chi phí kiểm toán		(262.740.345)	(247.389.725)
35	5. Phí bảo giá chứng khoán chưa niêm yết		(118.800.000)	(115.600.000)
38	6. Phí và chi phí khác		(899.498.085)	(636.437.652)
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm		34.779.833.835	(34.733.813.579)
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN				
60	I. Thu nhập		21.903.063.700	64.021.497.365
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		21.903.063.700	64.021.497.365
70	II. Chi phí		(92.043.605.336)	(63.948.831.126)
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		(92.043.605.336)	(63.948.831.126)
80	III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện trong năm		(70.140.541.636)	72.666.239
90	Lỗ trong năm		(35.360.707.801)	(34.661.147.340)
	Lỗ trên mỗi chứng chỉ quỹ (đồng)		(4.464.736)	(4.376.407)

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Trần Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phân Dịch vụ Chứng Khoán HSBC
Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Công ty Quản lý Quỹ
Lập bởi:



Được duyệt bởi:

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 05 - QĐT

BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
1.	Tiền	336.166.290.579	135.120.843.777
2.	Các khoản đầu tư	233.992.124.855	480.294.203.234
2.1.	Cổ phiếu niêm yết	217.705.287.900	446.737.644.400
2.2.	Cổ phiếu chưa niêm yết	16.286.836.955	33.556.558.834
3.	Cổ tức được nhận	2.815.220.000	1.368.813.100
4.	Lãi được nhận	2.167.777.778	832.708.333
5.	Tiền bán chứng khoán phải thu	1.182.273.925	941.868.400
	Tổng tài sản	576.323.687.137	618.558.436.844
6.	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	(145.354.706)	(6.310.934.044)
7.	Các khoản phải trả khác	(1.160.994.302)	(1.869.456.870)
	Tổng nợ	(1.306.349.008)	(8.180.390.914)
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ	575.017.338.129	610.378.045.930
8.	Tổng số đơn vị quỹ	7.920	7.920
9.	Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ	72.603.199	77.067.935

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi: 

Lập bởi: Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:




Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phận Dịch vụ Chứng Khoán HSBC
Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 12 tháng 3 năm 2012.



Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 06-QĐT

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
I.	Giá trị tài sản ròng đầu năm	610.378.045.930	645.039.193.270
II.	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	(35.360.707.801)	(34.661.147.340)
	<i>Trong đó:</i>		
1.	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(35.360.707.801)	(34.661.147.340)
III.	Giá trị tài sản ròng cuối năm	<u>575.017.338.129</u>	<u>610.378.045.930</u>

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi: 

Lập bởi: Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:




Thị Thánh Tâm
Bộ Phận Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC
Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)
Ngày 12 tháng 3 năm 2012



Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 07-QĐT

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

STT	Chi tiêu	Số lượng	Giá trị		Tỷ lệ (%) Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
			trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	
I	Cổ phiếu niêm yết			217.705.287.900	37,77
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)	347.580	37.100	12.895.218.000	2,24
2	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP)	717.270	35.000	25.104.450.000	4,35
3	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	422.010	49.700	20.973.897.000	3,64
4	Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG)	761.950	14.700	11.200.665.000	1,94
5	Công ty Cổ phần Ngô Han (NHW)	2.272.339	13.100	29.767.640.900	5,17
6	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)	729.250	23.800	17.356.150.000	3,01
7	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (SRF)	1.627.840	19.500	31.742.880.000	5,50
8	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (TNA)	380.200	20.000	7.204.000.000	1,25
9	Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC)	1.411.610	26.300	37.125.343.000	6,44
10	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (TH1)	254.900	21.600	5.505.840.000	0,96
11	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (VNS)	888.170	21.200	18.829.204.000	3,27
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			16.286.836.955	2,83
1	Công ty Cổ phần Cồn - Rượu Hà Nội	93.032	100.333	9.334.179.656	1,62
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	1.127.397	6.167	6.952.657.299	1,21
III	Khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư			6.165.271.703	1,07
1	Lãi được nhận			2.167.777.778	0,38
2	Cổ tức được nhận			2.815.220.000	0,49
3	Tiền bán chứng khoán phải thu			1.182.273.925	0,20
IV	Tiền			336.166.290.579	58,33
1	Tiền gửi ngân hàng			336.166.290.579	58,33
V	Tổng cộng			576.323.687.137	100

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:


Lê Thị Thành Tâm

Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Ngân hàng TNHH một thành viên
HSBC (Việt Nam)

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Công ty Quản lý Quỹ
Lập bởi: Được duyệt bởi:



Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012





Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Quỹ") là quỹ đầu tư thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 09/UBCK-TLQTV do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập có giá trị 6 năm kể từ ngày cấp. Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào danh mục chứng khoán của các công ty Việt Nam và các dự án ở Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Điều lệ Quỹ là 5.000 tỷ đồng Việt Nam. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 100 triệu đồng Việt Nam. Tổng số chứng chỉ quỹ tối đa là 50.000.

Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), một công ty quản lý quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam, quản lý và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát").

2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền khác đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quý là Nhật ký chung.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn.

2.6 Đầu tư chứng khoán

(a) Phân loại

Quý phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quý cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

Chứng khoán chưa niêm yết được định giá dựa theo các phương pháp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- (i) Trung bình giá giao dịch gần nhất được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán trong sáu công ty chứng khoán theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Công ty Cổ phần chứng Khoán Sài Gòn
 - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
 - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt
 - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
 - Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
 - Công ty TNHH Chứng khoán ACB
- (ii) Trường hợp chứng khoán chưa niêm yết không có giao dịch tại ba trong sáu công ty chứng khoán nêu trên, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Giá mua gần nhất của bên thứ ba độc lập trong đợt phát hành thêm trong tháng
 - Giá ghi nhận trong kỳ báo cáo tháng trước
 - Giá mua trung bình của Quý tính đến thời điểm định giá
- (iii) Đối với chứng khoán không có giao dịch trong vòng hai năm trước ngày định giá, việc định giá sẽ được thực hiện bởi ít nhất hai tổ chức định giá độc lập.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức từ các công ty mà Quỹ đầu tư vào, lãi trái phiếu phải thu từ các nhà phát hành trái phiếu, lãi ngân hàng phải thu và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả cho hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2.9 Thuế

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các thành viên của Quỹ (bao gồm các pháp nhân có cư trú và không có cư trú) sẽ phải nộp thuế thu nhập trên lợi nhuận do Quỹ phân phối. Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và kê khai khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của thành viên theo mức thuế suất 20%.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 không quy định rõ về việc kê khai thuế của các quỹ đầu tư chứng khoán trong nước. Ngày 19 tháng 8 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 10945/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh hướng dẫn thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho lợi nhuận phân phối của các quỹ đầu tư Việt Nam cho các nhà đầu tư (không phân biệt là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài) là 25%. Các quỹ đầu tư phải khấu trừ khoản thuế này trước khi chia cổ tức. Tuy nhiên, lợi nhuận phân phối từ cổ tức của các công ty Việt Nam và các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế sẽ không phải chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Vốn và chiết khấu cổ phần

Các chứng chỉ quỹ có quyền được nhận cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 100 triệu đồng Việt Nam. Chiết khấu cổ phần thể hiện phí phát hành các đơn vị quỹ đã trả cho Công ty Quản lý Quỹ và được ghi nhận là chiết khấu cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

2.11 Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ

Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong năm.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

2.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại vào ngày của bảng cân đối kế toán.

2.14 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của khoản đầu tư đó.

2.15 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, thành viên Ban Đại diện, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

3 TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	6.166.290.579	15.120.843.777
Tiền gửi có kỳ hạn	330.000.000.000	120.000.000.000
	<u>336.166.290.579</u>	<u>135.120.843.777</u>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bằng đồng Việt Nam.

4 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty mà Quý đầu tư vào. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.6, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lỗ do đánh giá lại VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	411.099.071.619	(193.393.783.719)	217.705.287.900
Cổ phiếu chưa niêm yết	25.923.340.434	(9.636.503.479)	16.286.836.955
	<u>437.022.412.053</u>	<u>(203.030.287.198)</u>	<u>233.992.124.855</u>

	Giá mua VNĐ	Lỗ do đánh giá lại VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	574.810.915.725	(128.073.271.325)	446.737.644.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	38.373.033.071	(4.816.474.237)	33.556.558.834
	<u>613.183.948.796</u>	<u>(132.889.745.562)</u>	<u>480.294.203.234</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

5 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán (*)	1.182.273.925	941.868.400
Phải thu cổ tức	2.815.220.000	1.368.813.100
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.167.777.778	832.708.333
	<u>6.165.271.703</u>	<u>3.143.389.833</u>

(*) Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

6 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Các khoản phải trả hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả từ việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam và phí môi giới mua chứng khoán phải trả cho Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt.

7 PHẢI TRẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phải trả phí quản lý quỹ (Thuyết minh số 9)	960.045.510	1.529.902.463
Phải trả phí giám sát và phí lưu ký (Thuyết minh số 9)	49.922.366	53.036.619
	<u>1.009.967.876</u>	<u>1.582.939.082</u>

8 VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Vốn góp VNĐ	Chiết khấu cổ phần VNĐ	Kết quả hoạt động chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	792.000.000.000	(23.100.000.000)	(158.521.954.070)	610.378.045.930
Lỗ thuần trong năm	-	-	(35.360.707.801)	(35.360.707.801)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>792.000.000.000</u>	<u>(23.100.000.000)</u>	<u>(193.882.661.871)</u>	<u>575.017.338.129</u>

Vốn điều lệ tối đa của Quỹ là 5.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 50.000 chứng chỉ với mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 100 triệu đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, 7.920 chứng chỉ quỹ đã được phát hành và thanh toán hết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Quỹ không phát hành thêm chứng chỉ quỹ nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

8 VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

9 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch sau được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Phí quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ (*)	13.674.975.196	19.459.128.588
Phí giám sát, lưu ký trả cho Ngân hàng Giám sát (**)	609.581.683	659.814.023
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (***)	1.338.807.447	1.189.744.376
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (****)	195.000.000.000	-

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên liên quan sau vẫn còn chưa thanh toán:

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí quản lý phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ (*)	960.045.510	1.529.902.463
Phí giám sát, lưu ký phải trả cho Ngân hàng giám sát (**)	49.922.366	53.036.619
Phí môi giới chứng khoán phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (***)	1.993.781	7.564.044
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (****)	60.000.000.000	-

(*) Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là một công ty cổ phần được thành lập theo luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam. Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của ba phần trăm (3%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Từ tháng 5 năm 2011, phí quản lý Quỹ được tính bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng theo quy định tại thông tư 38/2011/TT-BTC ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2011.

Quỹ trả phí thường hoạt động cho Công ty Quản lý Quỹ nếu tổng lợi nhuận của Quỹ trong năm vượt (i) mức tăng tối thiểu giá trị tài sản ròng hàng năm và (ii) giá trị tài sản ròng cao nhất của Quỹ từ khi thành lập. Mức tăng tối thiểu tài sản ròng là 12%. Trong trường hợp phải trả phí thường hoạt động, thì số phí được tính là 20% của chênh lệch giữa tổng lợi nhuận trong năm và hai mức nói trên. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, không phát sinh phí thường hoạt động cho công ty quản lý quỹ (năm 2010: phí thường hoạt động bằng 0).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

9 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (**) Quý đã chỉ định Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm ngân hàng giám sát. Quý có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quý và phí lưu ký tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phải một phần trăm (0,1%) giá trị tài sản ròng của Quý vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTC-CST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế 10%.
- (***) Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Chứng khoán") là công ty chứng khoán của Quý từ ngày 26 tháng 2 năm 2008. Trong ba tháng đầu năm 2011, phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,12% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán. Bắt đầu từ ngày 5 tháng 4 năm 2011, phí môi giới được điều chỉnh tăng lên 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán theo thông tư 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011.
- (****) Ngân hàng TMCP Bản Việt (tiền thân là Ngân hàng TMCP Gia Định) trở thành bên liên quan của công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt từ ngày 3 tháng 11 năm 2011. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Quý có gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Bản Việt.

10 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

	2011	2010
I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	40,60%	77,65%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	40,60%	77,65%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	37,77%	72,22%
Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản	2,83%	5,43%
Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng/Tổng giá trị tài sản	58,33%	21,84%
Tỷ lệ lỗ bình quân/Tổng giá trị tài sản	-3,42%	-2,18%
Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản	-2,72%	-3,42%
II. Các chỉ số thị trường		
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.920	7.920
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	62,27%	62,27%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	31,52%	31,52%
Giá trị tài sản ròng mỗi chứng chỉ quỹ (đồng)	72.603.199	77.067.935

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

11 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chỉ trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

11 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	145.354.706	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	1.009.967.876	-	-
Các khoản phải trả khác	151.026.426	-	-
	<u>1.306.349.008</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	6.310.934.044	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	1.582.939.082	-	-
Các khoản phải trả khác	286.517.788	-	-
	<u>8.180.390.914</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

11 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2010: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì Nguồn vốn của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 23.399.212.486 đồng (2010: 48.029.420.323 đồng) tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

11 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2011 VND	31.12.2010 VND	31.12.2011 VND	31.12.2010 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh				
- Cổ phiếu niêm yết	411.099.071.619	574.810.915.725	217.705.287.900	446.737.644.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	25.923.340.434	38.373.033.071	16.286.836.955	33.556.558.834
Các khoản phải thu khác				
- Phải thu từ kinh doanh chứng khoán	1.182.273.925	941.868.400	1.182.273.925	941.868.400
- Các khoản phải thu khác	4.982.997.778	2.201.521.433	4.982.997.778	2.201.521.433
Tiền gửi ngân hàng	336.166.290.579	135.120.843.777	336.166.290.579	135.120.843.777
Tổng cộng	779.353.974.335	751.448.182.406	576.323.687.137	618.558.436.844
Nợ tài chính				
Phải trả cho kinh doanh chứng khoán				
	145.354.706	6.310.934.044	145.354.706	6.310.934.044
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát				
	1.009.967.876	1.582.939.082	1.009.967.876	1.582.939.082
Phải trả khác				
	151.026.426	286.517.788	151.026.426	286.517.788
Tổng cộng	1.306.349.008	8.180.390.914	1.306.349.008	8.180.390.914

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc giá mua trung bình của Quỹ tính đến thời điểm định giá.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền theo tỷ lệ thực hiện quyền. Trường hợp giá thị trường của chứng khoán thấp hơn giá thực hiện quyền, giá trị của quyền bằng không.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

12 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

13 PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính được phê chuẩn bởi Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát ngày 12 tháng 3 năm 2012.


Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi: 

Lập bởi:

Công ty Quản lý Quỹ

Được duyệt bởi:





Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt



Phạm Anh Tú
Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt